

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 125/2023/HS-ST
Ngày 09-8-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hải.

Thẩm phán: Ông Đỗ Tuấn Long.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Bắc Hải;

Bà Bùi Thị Đào;

Bà Nguyễn Thị Kim Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Đức - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Ngô Xuân Vĩnh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 112/2023/TLST-HS ngày 02 tháng 6 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 130/2023/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 80/2023/HSST-QĐ ngày 24 tháng 7 năm 2023 đối với bị cáo:

Trần Văn T, sinh ngày 27/9/1995 tại huyện S, tỉnh Sơn La. Nơi cư trú: Bản L, xã C, huyện S, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Đảng phái, đoàn thể: Không; con ông Trần Văn Đ (đã chết) và bà Trần Thị H; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bị Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Sơn La xử phạt 15 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy tại Bản án số 137/2019/HS-ST ngày 21/11/2019 (chấp hành án xong ngày 05/10/2020, đã được xóa án tích); bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/11/2022 cho đến nay. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Văn H1, Luật sư của Văn phòng Luật sư Nguyễn H1 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Sơn La. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Bà Trần Thị T1, sinh năm 1962. Nơi cư trú: Tiểu khu N, xã C1, huyện M, tỉnh Sơn La. Có mặt.

+ Chị Nguyễn Thúy Đ1, sinh năm 1992. Nơi cư trú: Tổ X, phường C2, thành phố S1, tỉnh Sơn La. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 18 giờ 30 phút ngày 17/11/2022, Tổ công tác Đoàn Biên phòng Cửa khẩu C - Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Sơn La phối hợp với các lực lượng chức năng làm nhiệm vụ tại khu vực bản T2, xã C, huyện S, tỉnh Sơn La phát hiện Trần Văn T đang điều khiển xe máy biển kiểm soát 26K1-028.41 di chuyển theo hướng từ bản B đi bản T2, xã C có biểu hiện nghi vấn liên quan đến tội phạm về ma túy. Tổ công tác đã ra hiệu lệnh dừng xe để kiểm tra, phát hiện tại móc treo đồ trên xe máy do T điều khiển có 01 túi nilon màu xanh bên trong chứa các hạt tinh thể màu trắng, T khai nhận là ma túy đang trên đường vận chuyển.

Tổ công tác đã lập Biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Trần Văn T và thu giữ vật chứng là số ma túy nêu trên. Ngoài ra còn tạm giữ của T 01 chiếc điện thoại di động, 01 xe máy nhãn hiệu Honda Vision biển kiểm soát 26K1-028.41.

Hồi 11 giờ ngày 18/11/2022, Đoàn Biên phòng Cửa khẩu C tiến hành lập Biên bản mở niêm phong, xác định khối lượng, trích mẫu giám định, niêm phong mẫu giám định và vật chứng đối với số ma túy thu giữ, kết quả: Số hạt tinh thể màu trắng thu giữ có tổng khối lượng 982,30 gam, trích lấy 3,27 gam ký hiệu T1 làm mẫu trưng cầu giám định chất ma túy.

Tại Kết luận giám định số 1735/KL-KTHS ngày 18/11/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La kết luận:

“- Mẫu gửi giám định ký hiệu T1 là ma túy; loại Ketamine; khối lượng của mẫu gửi giám định là 3,27 gam.

- Tổng khối lượng ma túy thu giữ là 982,30 gam; loại Ketamine”.

Quá trình điều tra, Trần Văn T khai nhận:

Khoảng 16 giờ ngày 17/11/2022, Trần Văn T đang ở nhà tại bản L, xã C, huyện S, tỉnh Sơn La thì nhận được điện thoại của bạn là Cầm Văn N1, trú tại: Bản H2, xã C, huyện S, tỉnh Sơn La. Qua trao đổi, N1 bảo T sang bên bản B, xã C lấy “đồ” mang về nhà T3 (vợ tên N2) ở bản T2, xã C cho N1 (T hiểu N1 nói “đồ” có nghĩa là ma túy vì T và N1 từng sử dụng ma túy cùng nhau). T đồng ý, sau đó T tiếp tục nhận được điện thoại của N1 bảo T gần 18 giờ hãy sang, lúc đó trời tối và bên đó có đám cưới, nhiều người đi lại thì mọi người không nghi.

Khoảng 18 giờ cùng ngày, T một mình điều khiển xe máy biển kiểm soát 26K1-028.41 đi từ nhà đến bản B, xã C để lấy ma túy cho N1. Đi đến đầu cầu bản B, T gọi điện thoại cho N1 hỏi lấy đồ ở đâu? N1 hướng dẫn T đến khu vực vườn xoài cạnh ruộng của người đàn ông tên T4 và mô tả túi nilon đựng ma túy

giống túi chè, có cành xoài phủ lên đánh dấu. T làm theo chỉ dẫn của N1 thì tìm thấy túi ma túy giống như N1 mô tả để trong một túi nilon màu xanh, treo ở bờ rào. T treo túi ma túy vào móc treo đồ của xe máy rồi điều khiển xe mang ma túy đến nhà T3 (N2) như N1 đã dặn. Khi T đi đến đầu cầu bản B thì nhận được điện thoại của Phạm Văn C3, nhà ở bản T5, xã C4, huyện S, tỉnh Sơn La bảo T đóng gói số ma túy trên rồi gửi xe khách cho C3 nhưng C3 không nói cụ thể tên, địa chỉ của người nhận ma túy nên T tiếp tục điều khiển xe đến nhà T3 (N2) mục đích để giao ma túy cho N1. Khi T đi đến khu vực bản T2, xã C thì bị Tổ công tác Đồn Biên phòng Cửa khẩu C phối hợp với các lực lượng chức năng phát hiện, bắt quả tang và thu giữ vật chứng như đã nêu trên.

Về nguồn gốc 982,30 gam ma túy, loại Ketamine thu giữ trong vụ án: Trần Văn T khai nhận là của Cầm Văn N1, trú tại: Bản H2, xã C, huyện S, tỉnh Sơn La thuê T vận chuyển.

Do có hành vi nêu trên, tại Cáo trạng số 64/CT-VKS-P1 ngày 29/5/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La đã truy tố Trần Văn T về tội Vận chuyển trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm e khoản 4 Điều 250 Bộ luật Hình sự.

** Tại phiên tòa sơ thẩm:*

Bị cáo Trần Văn T thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố và không khai báo gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Trần Thị T1 và chị Nguyễn Thúy Đ1 xác nhận chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Vision biển kiểm soát 26K1-028.41, đăng ký xe mang tên Nguyễn Thúy Đ1 là tài sản do bà T1 mua cho chị Đ1 sử dụng. Đến năm 2018, chị Đ1 mua xe mới nên đã giao lại chiếc xe nêu trên cho bà T1. Bà T1 và chị Đ1 không biết việc Trần Văn T sử dụng xe làm phương tiện để đi mua ma túy; không liên quan đến hành vi phạm tội của Trần Văn T và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, trả lại xe cho bà T1 sử dụng.

** Tranh luận tại phiên tòa:*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La trình bày luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm e khoản 4 Điều 250; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự: Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội Vận chuyển trái phép chất ma túy.

Xử phạt bị cáo Trần Văn T 20 năm tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

Về vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau khi lấy mẫu trưng cầu giám định chất ma túy và vỏ gói niêm phong ban đầu. Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động thu giữ của Trần Văn T. Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Trần Thị T1 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Vision biển kiểm soát 26K1-028.41.

Về án phí: Đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Văn T trình bày lời bào chữa nhất trí với cáo trạng truy tố và luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa. Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tình tiết bị cáo không có ý định vận chuyển ma túy từ trước mà làm theo lời của Cầm Văn N1. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, mở lượng khoan hồng, xử phạt bị cáo mức hình phạt tù có thời hạn, miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo và trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Trần Thị T1 tài sản là chiếc xe máy bị cáo đã mượn để sử dụng do bà T1 không biết việc bị cáo sử dụng xe máy để thực hiện hành vi phạm tội và không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo.

Bị cáo Trần Văn T nhất trí với quan điểm của người bào chữa, không có ý kiến tranh luận và xin giảm nhẹ hình phạt.

Bà Trần Thị T1 và chị Nguyễn Thúy Đ1 không có ý kiến tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa cho bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo

Ngày 17/11/2022, tại khu vực bản T2, xã C, huyện S, tỉnh Sơn La, Trần Văn T bị Tổ công tác Đoàn Biên phòng Cửa khẩu C - Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Sơn La phối hợp với các lực lượng chức năng phát hiện, bắt quả tang khi đang thực hiện hành vi vận chuyển trái phép 982,30 gam ma túy, loại Ketamine cho người khác từ bản B, xã C đến bản T2, xã C, huyện S, tỉnh Sơn La, mục đích để được hưởng lợi.

Hành vi phạm tội của bị cáo được chứng minh bằng các căn cứ sau:

- Biên bản bắt người phạm tội quả tang do Tổ công tác Đoàn Biên phòng Cửa khẩu C - Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Sơn La lập hồi 18 giờ 35 phút ngày 17/11/2022 tại bản T2, xã C, huyện S, tỉnh Sơn La đối với Trần Văn T cùng vật chứng thu giữ là 01 túi nilon màu xanh bên trong chứa các hạt tinh thể màu trắng, dạng liên kết, nghi là ma túy.

- Biên bản mở niêm phong, xác định khối lượng, trích mẫu giám định, niêm phong mẫu giám định và vật chứng lập hồ 11 giờ ngày 18/11/2022 tại Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La xác định số hạt tinh thể màu trắng thu giữ có tổng khối lượng 982,30 gam.

- Kết luận giám định số 1735/KL-KTHS ngày 18/11/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La kết luận: “*Tổng khối lượng ma túy thu giữ là 982,30 gam; loại Ketamine*”.

- Lời khai nhận tội của bị cáo Trần Văn T tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của anh Đặng Đình T6, sinh năm 1984, trú tại: Bản K, xã C, huyện S, tỉnh Sơn La, là người chứng kiến việc bắt người phạm tội quả tang đối với Trần Văn T; phù hợp với khối lượng ma túy thu giữ; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa.

Với các căn cứ chứng minh trên có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Trần Văn T đã phạm vào tội Vận chuyển trái phép chất ma túy, tội phạm và hình phạt quy định tại Điều 250 Bộ luật Hình sự như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La truy tố đối với bị cáo là có căn cứ.

[3] Về tình tiết định khung hình phạt

Bị cáo Trần Văn T thực hiện hành vi phạm tội với tổng khối lượng ma túy vận chuyển là 982,30 gam, loại Ketamine, đã vi phạm tình tiết định khung hình phạt “*Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng 300 gam trở lên*” quy định tại điểm e khoản 4 Điều 250 Bộ luật Hình sự, có mức hình phạt tù 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình.

[4] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo

Bị cáo Trần Văn T là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc vận chuyển trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy; là một trong những nguyên nhân làm phát sinh các tệ nạn xã hội và các tội phạm khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương nên cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo để cải tạo, giáo dục riêng và răn đe, phòng ngừa chung, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, nhất là các tội phạm về ma túy trong giai đoạn hiện nay.

[5] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

Về nhân thân: Bị cáo Trần Văn T đã bị Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Sơn La xử phạt 15 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy tại Bản án số 137/2019/HS-ST ngày 21/11/2019, bị cáo chấp hành xong ngày 05/10/2020, đã được xóa án tích.

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo Trần Văn T không có tình tiết tăng nặng trách

nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về hình phạt bổ sung

Ngoài hình phạt chính, bị cáo Trần Văn T còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 250 Bộ luật Hình sự nhưng xét bị cáo không có nghề nghiệp, việc làm ổn định; không có tài sản gì có giá trị lớn, sống phụ thuộc gia đình nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về các đối tượng có liên quan

Đối với đối tượng Chăm Văn N1, trú tại: Bản H2, xã C, huyện S, tỉnh Sơn La, theo Trần Văn T khai là người đã nhờ bị cáo vận chuyển ma túy giúp. Quá trình điều tra xác định tại bản H2, xã C, huyện S, tỉnh Sơn La có đối tượng tên Chăm Văn N1, sinh năm 1995 đăng ký thường trú, sinh sống. Tiến hành thu thập ảnh của Chăm Văn N1 cho Trần Văn T nhận dạng, kết quả T nhận dạng được Chăm Văn N1. Cơ quan điều tra đã triệu tập làm việc với Chăm Văn N1, kết quả N1 khai có quen biết với Trần Văn T nhưng trong khoảng thời gian từ ngày 15/11/2022 đến ngày 18/11/2022 N1 không gặp gỡ, trao đổi nội dung gì với T; N1 cũng không gọi điện thoại nhờ T vận chuyển ma túy giúp. Ngày 07/3/2023, Cơ quan điều tra đã tiến hành cho Trần Văn T và Chăm Văn N1 đối chất, kết quả N1 không thừa nhận việc gọi điện thoại bảo T đi lấy ma túy cho N1.

Xác minh số thuê bao 0363.257.400, theo Trần Văn T khai là số điện thoại Chăm Văn N1 đã sử dụng để liên lạc với T: Quá trình điều tra, Chăm Văn N1 khai không được đăng ký sử dụng số điện thoại nêu trên và không biết ai đăng ký sử dụng số thuê bao này. Kết quả xác minh, điều tra xác định người đứng tên đăng ký là Thạch Thị P, sinh ngày 08/8/1982, địa chỉ: Ấp T7, xã H3, huyện C5, tỉnh Trà Vinh. Cơ quan điều tra đã ủy thác điều tra cho Cơ quan Cảnh sát điều tra (PC 04) Công an tỉnh Trà Vinh xác minh, làm việc với Thạch Thị P để làm rõ nguồn gốc số thuê bao song tại thời điểm triệu tập làm việc thì P không có mặt tại địa phương nơi cư trú. Ngoài lời khai của Trần Văn T thì không thu thập được thêm tài liệu, chứng cứ khác làm căn cứ để xử lý đối với Chăm Văn N1 trong vụ án này.

Đối với đối tượng Phạm Văn C3, sinh năm 2022, trú tại: Bản T5, xã C4, huyện S, tỉnh Sơn La, theo Trần Văn T khai là người đã gọi điện cho bị cáo bảo gửi túi ma túy lấy được cho C3 vào ngày 17/11/2022: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã xác minh, thu thập được ảnh của Phạm Văn C3 trú tại địa chỉ nêu trên. Tiến hành cho Trần Văn T nhận dạng, kết quả T nhận dạng được Phạm Văn C3. Cơ quan điều tra đã triệu tập Phạm Văn C3 để làm rõ nội dung liên quan nhưng tại các thời điểm triệu tập, C3 đều không có mặt tại địa phương.

Xác minh đối với số thuê bao 0367.002.000, theo Trần Văn T khai là số điện thoại Phạm Văn C3 sử dụng để liên lạc với T: Kết quả điều tra xác định

người đứng tên đăng ký là Vì Thị H4, sinh ngày 19/10/2003, HKTT: Bản C4, xã C4, huyện S, tỉnh Sơn La; chỗ ở: Bản T5, xã C4, huyện S, tỉnh Sơn La. Cơ quan điều tra đã làm việc với Vì Thị H4 để làm rõ nguồn gốc số thuê bao di động nêu trên, kết quả Vì Thị H4 khai có quan hệ là vợ của Phạm Văn C3. Bản thân H4 được đăng ký, sử dụng số thuê bao 0367.002.000. Tuy nhiên, do là vợ chồng nên C3 biết mật khẩu điện thoại của H4, H4 không biết C3 có sử dụng điện thoại có số thuê bao nêu trên của H4 để liên lạc với người khác hay không. Ngoài lời khai của Trần Văn T thì không thu thập được thêm tài liệu, chứng cứ khác làm căn cứ để xử lý đối với Phạm Văn C3 trong vụ án này. Cơ quan điều tra đã ra quyết định truy tìm đối với Phạm Văn C3 để tiếp tục điều tra, xác minh và xử lý theo quy định khi đủ căn cứ là đúng quy định.

Đối với đối tượng tên T4, theo Trần Văn T khai vào ngày 17/11/2022 đã tìm lấy được túi ma túy treo ở bờ rào vườn xoài nhà T4: Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh, thu thập được ảnh của Cà Văn T4, sinh năm 1985, trú tại: Bản L1, xã C, huyện S, tỉnh Sơn La (*tiếp giáp với bản B*). Tiến hành cho Trần Văn T nhận dạng, kết quả T nhận dạng được Cà Văn T4. Cơ quan điều tra đã triệu tập làm việc với Cà Văn T4 để xác định nguồn gốc túi ma túy được treo ở bờ rào vườn xoài nhà T4, kết quả T4 khai không biết việc có túi ma túy được treo ở bờ rào vườn xoài nhà T4. Ngoài lời khai của Trần Văn T, Cơ quan điều tra xác định không có căn cứ xử lý đối với Cà Văn T4 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Đối với đối tượng tên T3, có vợ tên N2, theo Trần Văn T khai Cẩm Văn N1 bảo bị cáo lấy ma túy xong thì mang về nhà T3 (N2) cho N1. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã xác minh, thu thập được ảnh của Nguyễn Văn T3, sinh năm 1987, HKTT: Bản H2, xã C, huyện S, tỉnh Sơn La, sinh sống cùng Nguyễn Thị N2 tại bản T2, xã C, huyện S, tỉnh Sơn La. Tiến hành cho Trần Văn T nhận dạng, kết quả T nhận dạng được Nguyễn Văn T3. Cơ quan điều tra đã triệu tập làm việc với Nguyễn Văn T3, kết quả T3 khai vào ngày 17/11/2022 không được gặp, không được liên lạc với Cẩm Văn N1 để trao đổi nội dung gì liên quan đến hành vi vi phạm pháp luật về ma túy. Cơ quan điều tra xác định ngoài lời khai của Trần Văn T thì không có tài liệu, chứng cứ khác làm căn cứ xác định Nguyễn Văn T3 có liên quan đến vụ án là đúng quy định của pháp luật.

[8] Về vật chứng

Đối với 979,03 gam ma túy, loại Ketamine còn lại sau khi lấy mẫu trung cầu giám định và vỏ gói niêm phong ban đầu: Xét đây là loại hàng Nhà nước cấm lưu hành và vật chứng không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 chiếc điện thoại thu giữ của Trần Văn T: Xét đây là phương tiện bị cáo sử dụng để liên hệ thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Vision biển kiểm soát 26K1-028.41, đăng ký xe mang tên Nguyễn Thúy Đ1: Kết quả điều tra xác định đây là tài sản hợp pháp của bà Trần Thị T1 (*mẹ chị Nguyễn Thúy Đ1*). Ngày

17/11/2022, bà T1 cho Trần Văn T (*cháu ruột của bà T1*) mượn chiếc xe máy nêu trên để sử dụng. Bà T1 không biết T mượn xe để thực hiện hành vi phạm tội, không biết và không liên quan đến hành vi phạm tội của T. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bà T1 đề nghị xem xét, trả lại cho bà T1 chiếc xe máy nêu trên là có căn cứ, cần chấp nhận.

[9] Về án phí

Bị cáo Trần Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm e khoản 4 Điều 250; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự: Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội Vận chuyển trái phép chất ma túy.

Xử phạt bị cáo Trần Văn T 20 (*hai mươi*) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 17/11/2022.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Về vật chứng: Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

2.1. *Tịch thu tiêu hủy*: 979,03 gam ma túy, loại Ketamine + 01 túi nilon màu xanh + 01 túi nilon màu xanh trên bề mặt có in các chữ nước ngoài + 01 túi nilon màu trắng + 01 vỏ giấy màu trắng niêm phong ban đầu được niêm phong trong một hộp vật chứng còn nguyên niêm phong.

2.2. *Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước* 01 (*một*) chiếc điện thoại của Trần Văn T được niêm phong trong một chiếc phong bì do Đoàn Biên phòng Cửa khẩu C phát hành còn nguyên niêm phong.

2.3. Trả lại cho bà Trần Thị T1 01 (*một*) chiếc xe máy nhãn hiệu Honda, loại xe Vision, màu trắng, biển kiểm soát 26K1-028.41, số khung RLHJS3310DY388427, số máy JF33E-0468668, xe có 02 gương chiếu hậu, không có chìa khóa, xe đã qua sử dụng.

(*Hiện trạng, đặc điểm vật chứng, tài sản theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản lập hồi 16 giờ 30 phút ngày 07/6/2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Sơn La và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La*)

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Trần Văn T phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 09/8/2023).

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- Cục THADS tỉnh Sơn La;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- Phòng PC 04 Công an tỉnh Sơn La;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Sơn La;
- Cơ quan hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh Sơn La;
- Những người tham gia tố tụng;
- Phòng KTNV&THA;
- Tổ Hành chính tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Minh Hải